

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/LĐ – ST
Ngày: 31 – 3 – 2026
V/v “*Tranh chấp tuyên bố hợp
đồng lao động vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Phạm Vũ Ngọc Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Tấn Thanh
2. Ông Mai Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 33/2026 /TLST – LĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-LĐ ngày 13/3/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Đoàn Thị M, sinh năm 1969
Địa chỉ: Ấp B, xã N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn:

1. Bà Đoàn Thị M1, sinh năm 1966
Địa chỉ: Ấp P, xã N, tỉnh Đồng Nai.

2. Công ty TNHH T
Địa chỉ: KCN N, xã N, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hwang Kyu C – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc Tú U, sinh năm 1982
Địa chỉ: KCN N, xã N, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị M trình bày:*

Bà Đoàn Thị M và bị đơn – bà Đoàn Thị M1 là chị em ruột. Do hoàn cảnh khó khăn và không am hiểu pháp luật nên tháng 10/2004, bà mai cho chị là bà Đoàn Thị M1 mượn hồ sơ cá nhân, lý lịch tư pháp của bà M để xin việc làm tại Công ty TNHH T. Bà M1 được cấp sổ BHXH (số sổ 4705026327 – tên Đoàn Thị M), đến tháng 05/2009 thì bà M1 được nhận BHXH 1 lần với tên Đoàn Thị M; chưa được nhận trợ cấp thất nghiệp.

Bản thân bà M làm công nhân tại Công ty TNHH N từ tháng 01/2008 đến ngày 30/08/2025 thì xin nghỉ việc, được công ty chấp nhận. Trong quá trình làm việc tại công ty N, bà M được cấp sổ BHXH (số sổ 7508026651), tuy nhiên bà chưa được nhận chế độ BHXH theo luật quy định vì hồ sơ bảo hiểm của bà M và bà Đoàn Thị M1 có sự trùng lặp về thời gian đóng BHXH xuất phát từ việc cho mượn hồ sơ.

Do bà M1 sử dụng thông tin cá nhân của bà mai để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T, dẫn đến trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M. Vì vậy, nay bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố Hợp đồng lao động tham gia từ tháng 10/2004 đến tháng 5/2009 giữa Công ty TNHH T và bà Đoàn Thị M (thực chất do bà Đoàn Thị M1 ký) vô hiệu vì vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động.

Bà đã được giải thích các quy định của pháp luật và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Do bận công việc nên bà xin vắng mặt tại phiên toà. Bà tự nguyện chịu án phí sơ thẩm.

** Bị đơn Công ty TNHH T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.*

Tại bản tự khai đề ngày 27/02/2026, đại diện bị đơn Công ty TNHH T trình bày: Đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu, nếu có thì bà M và bà M1 phải chịu trách nhiệm.

Bà Đoàn Thị M có vào làm việc tại TNHH T từ tháng 10/2004 đến tháng 5/2009, tuy nhiên do thời gian quá lâu (trên 20 năm) nên hiện tại công ty không còn lưu hợp đồng lao động của bà M. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà M đầy đủ theo mã số bảo hiểm 4705026327 từ tháng 10/2004 đến tháng 5/2009, và tháng 06/2009 thì bà Đoàn Thị M nghỉ việc. Trong thời gian bà M làm việc tại TNHH T thì công ty đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật lao động và pháp luật về bảo hiểm xã hội cho bà M. Việc bà Đoàn Thị M1 dùng hồ sơ xin việc của bà Đoàn Thị M để ký hợp đồng và làm việc tại TNHH T là trách nhiệm của bà M và bà M1, không phải lỗi của TNHH T, vì TNHH T S đã

thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động.

Nay bà Đoàn Thị M khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH T và Đoàn Thị M từ tháng 10/2004 đến tháng 06/2009 vô hiệu (do vi phạm nguyên tắc trung thực) thì TNHH T đồng ý việc tuyên bố hợp đồng lao động nói trên vô hiệu, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Mọi hậu quả do hợp đồng lao động nói trên bị tuyên bố vô hiệu (nếu có) thì bà Đoàn Thị M và bà Đoàn Thị M1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn - bà Đoàn Thị M1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.*

Tại bản tự khai đề ngày 07/02/2026, bà M1 trình bày: Do hoàn cảnh khó khăn và không am hiểu pháp luật nên tháng 10/2004, bà M1 có mượn của em gái là Đoàn Thị M hồ sơ cá nhân, lý lịch tư pháp của bà M để xin việc làm tại Công ty TNHH T. Bà M1 làm việc với danh nghĩa của bà Đoàn Thị M và được cấp sổ BHXH (số sổ 4705026327 – tên Đoàn Thị M), đến tháng 05/2009 thì bà M1 được nhận BHXH 1 lần với tên Đoàn Thị M; chưa được nhận trợ cấp thất nghiệp.

Riêng bà M làm công nhân tại Công ty TNHH N từ tháng 01/2008 đến ngày 30/08/2025 thì xin nghỉ việc. Trong quá trình làm việc tại công ty N bà M đã được cấp sổ BHXH (số sổ 7508026651), tuy nhiên bà M chưa được nhận chế độ BHXH theo luật quy định vì hồ sơ bảo hiểm của bà M1 và bà Đoàn Thị M có sự trùng lặp về thời gian đóng BHXH xuất phát từ việc cho mượn hồ sơ.

Qua làm việc tại C1, bà đã nhận thức được việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng vô hiệu toàn bộ.

Vì vậy, nay bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố Hợp đồng lao động tham gia từ tháng 10/2004 đến tháng 5/2009 giữa Công ty TNHH T và bà Đoàn Thị M (thực chất do bà Đoàn Thị M1 ký) vô hiệu vì vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động.

Bà đã được giải thích các quy định của pháp luật và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Về Hợp đồng lao động: Do thời gian đã lâu, hiện nay bà không còn lưu giữ, bà cũng không nhớ cụ thể ngày ký hợp đồng và loại hợp đồng lao động đối với Công ty T. Vì vậy bà không thể cung cấp cho Tòa án.

** Tại Biên bản làm việc ngày 07/11/2025, tại Bảo hiểm xã hội huyện Nhơn Trạch (cũ) thể hiện:*

Qua tra cứu thông tin và quá trình tham gia BHXH, BHTN của bà Đoàn Thị M, sinh ngày 01/01/1969; số CMND/CCCD: 075169010387(số CMND cũ: 270887203) trên hệ thống TST, TCS của ngành BHXH. Bà Đoàn Thị M, được cấp 01 sổ BHXH số 4705026327 có quá trình tham gia BHXH, BHTN thể hiện như

sau: từ tháng 10/2004 đến tháng 05/2009 làm việc tại T, thời gian này đã nhận BHXH 1 lần, chưa nhận trợ cấp Thất nghiệp.

Căn cứ dữ liệu tham gia BHXH, BHTN do cơ quan BHXH quản lý và nội dung trình bày của bà Đoàn Thị M, bà Đoàn Thị M1 và các quy định của pháp luật về BHXH, BHTN. Bảo hiểm xã hội cơ sở Nhơn Trạch có ý kiến như sau: Việc bà Đoàn Thị M, bà Đoàn Thị M1 mượn hồ sơ để giao kết hợp đồng lao động và tham gia BHXH, BHTN là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật BHXH quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật BHXH số 71/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Đoàn Thị M khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên căn cứ khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Công ty TNHH T có trụ sở tại Ấp P, xã N, tỉnh Đồng Nai. nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn và các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, tuy nhiên tất cả các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về việc lựa chọn Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp:

Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong giai đoạn từ tháng 10/2004 đến tháng 5/2009 nên Bộ luật lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007).

[4] Về thời hiệu khởi kiện:

Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên căn cứ quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án không áp dụng thời hiệu.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ lời thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn; Biên bản làm việc ngày 07/11/2025 tại Bảo hiểm xã hội huyện N, tỉnh Đồng Nai (cũ) và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

- Bà Đoàn Thị M, sinh ngày 01/01/1969; số CMND/CCCD: 075169010387(số CMND cũ: 270887203) trên hệ thống TST, TCS của ngành BHXH. Bà Đoàn Thị M, được cấp 01 sổ BHXH số 4705026327 có quá trình tham gia BHXH, BHTN thể hiện như sau: từ tháng 10/2004 đến tháng 05/2009 làm việc tại T, thời gian này đã nhận BHXH 1 lần, chưa nhận trợ cấp Thất nghiệp.

- Tại Công ty TNHH N, bà Đoàn Thị M làm việc từ tháng 01/2008 đến ngày 30/08/2025 thì xin nghỉ việc. Trong quá trình làm việc tại công ty N bà M đã được cấp sổ BHXH (số số 7508026651), tuy nhiên bà M chưa được nhận chế độ BHXH theo luật quy định vì hồ sơ bảo hiểm của bà M1 và bà Đoàn Thị M có sự trùng lặp về thời gian đóng BHXH xuất phát từ việc cho mượn hồ sơ.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 10/2004 đến tháng 5/2009, bà Đoàn Thị M không trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH T. Việc bà Đoàn Thị M1 ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T nhưng với tên bà Đoàn Thị M là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007) nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Đoàn Thị M và Công ty TNHH T là vô hiệu.

Do đó, bà Đoàn Thị M yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đoàn Thị M và Công ty TNHH T trong khoảng thời gian tháng 10/2004 đến tháng 05/2009 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là Đoàn Thị M1 trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên Đoàn Thị M là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Đoàn Thị M tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm 300.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 184; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007); khoản 2, khoản 7 Điều 188; Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M;

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đoàn Thị M và Công ty TNHH T trong khoảng thời gian tháng 10/2004 đến tháng 5/2009 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Đoàn Thị M1 trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên Đoàn Thị M.

- Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Đoàn Thị M tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Đoàn Thị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002733 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà Đoàn Thị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đồng Nai;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Vũ Ngọc Hiệp